

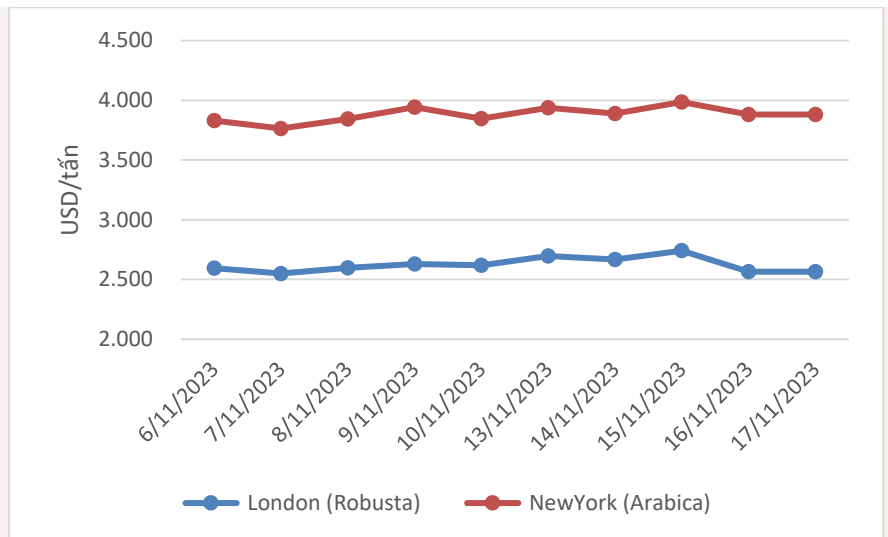


BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta tại thị trường London kỳ hạn tháng 1/2024 đạt mức bình quân 2.648 USD/tấn, tăng 1,89% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica tại thị trường New York kỳ hạn tháng 12/2023 đạt mức bình quân 3.916 USD/tấn, tăng 1,83 % so với tuần trước.
- ❖ Tháng 10/2023, sản lượng xuất khẩu cà phê của Brazil đạt 4,4 triệu bao (bao 60kg), tăng 21% so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), tháng 8/2023, nhập khẩu cà phê của Tây Ban Nha đạt 30,41 nghìn tấn, tăng 15,6% so với tháng 7/2023.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 46 (từ 13 đến 17/11/2023), giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2024 tại thị trường London đạt 2.648 USD/tấn, tăng 1,89% so với tuần trước và tăng 45% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.741 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.566 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 bình quân đạt 3.916 USD/tấn, tăng 1,83% so với mức giá tuần trước, và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.986 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.822 USD/tấn. [1]

Theo Bloomberg, giá cà phê kỳ hạn trên hai sàn giao dịch London và New York tiếp tục tăng trong tuần này do lo ngại thị trường thế giới thiếu nguồn cung cà phê trong tương lai. Thời tiết nắng nóng và khô hạn đang gây ảnh hưởng đến sản xuất tại hai quốc gia có sản lượng cà phê lớn trên thế giới là Brazil và Việt Nam.[2]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Brazil

Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê (Cacafé) ở Brazil, tháng 10/2023, sản lượng xuất khẩu cà phê nước này đạt 4,4 triệu bao (bao 60kg), tăng 21% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta tăng tới 479,5% so với cùng kỳ năm 2022. Lượng xuất khẩu cà phê Robusta của Brazil tăng do Việt Nam và Indonesia tăng cường nhập khẩu sản phẩm này, mức tăng lần lượt là 565,3% và 123,2% trong 10 tháng đầu năm 2023. [3]

Thời tiết nắng nóng ở quốc gia này đang ảnh hưởng đến tất cả các khu vực trồng cà phê Arabica và Robusta. Theo cơ quan khí tượng học Climatempo Nadiara Pereira, nhiệt độ gần 40 độ C dự kiến sẽ xảy ra ở hầu hết tại các vùng sản xuất ở Brazil. Đây là rủi ro cho nguồn cung cà phê trong vụ tới, vì nhiệt độ cao có thể khiến lá cây khô héo, cản trở sự phát triển của quả. [3]

Colombia: Do nhu cầu tiêu dùng trong nước, quốc gia này ước tính dành 80.000 ha để phát triển cà phê Robusta, với sản lượng ước đạt khoảng 3,2 triệu bao/năm. [3]

Ấn Độ: Theo TV9 Kannada, Ấn Độ là nước sản xuất cà phê lớn thứ 7 thế giới. Karnataka là vùng trồng cà phê chính của Ấn Độ, chiếm 70% tổng sản lượng của quốc gia này. Năm 2023, do lượng mưa giảm, ước tính năng suất cà phê sẽ giảm khoảng 30%, đạt gần 3 vạn tấn. Sản xuất cà phê tại Ấn Độ đang gặp nhiều khó khăn: (1) sản lượng thấp, (2) giá bán giảm, (3) chi phí sản xuất tăng do giá phân bón và chi phí thuê lao động tăng. [4]

Tây Ban Nha: Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), nhập khẩu cà phê của Tây Ban Nha có dấu hiệu tăng trở lại trong tháng 8/2023, đạt 30,41 nghìn tấn, trị giá 121,6 triệu USD, tăng 15,6% về lượng và tăng 14,1% về giá trị so với tháng 7/2023. So với tháng 8/2022, nhập khẩu cà phê Tây Ban Nha tăng 4,1% về lượng và tăng 12,7% về giá trị. [5]

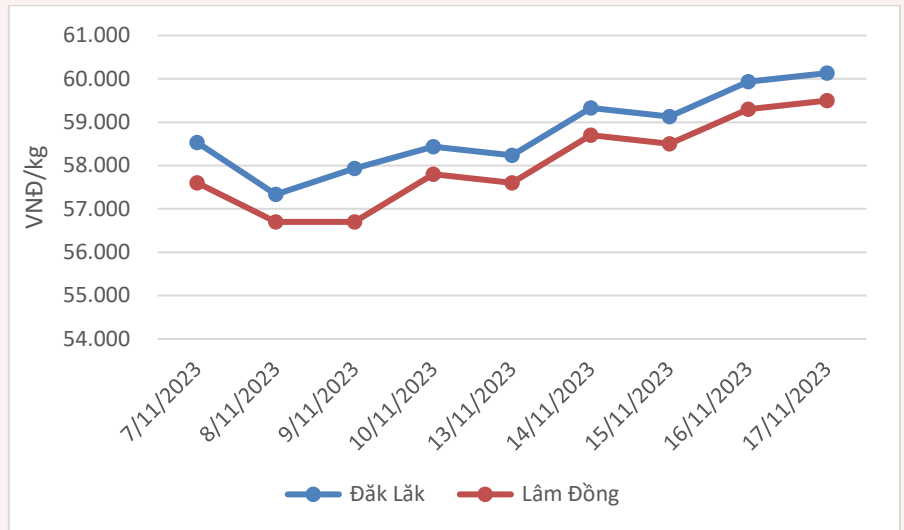
Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, lượng cà phê nhập khẩu của Tây Ban Nha đạt 240 nghìn tấn, trị giá 920,1 triệu USD, giảm 4,1% về lượng và giảm 1,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Tây Ban Nha nhập khẩu 61.400 tấn, trị giá 335,7 triệu EUR (tương đương 358,9 triệu USD) từ các quốc gia là thành viên khối EU, giảm 10,4% về lượng, nhưng tăng 14,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Các nguồn cung cà phê trong khối EU cho Tây Ban Nha gồm: Đức, Bỉ, Pháp, Hà Lan, Italia... Đối với các quốc gia ngoài khối EU, 8 tháng đầu năm 2023, Tây Ban Nha đã nhập khẩu 178.500 tấn cà phê, trị giá 524,9 triệu EUR (tương đương 561,2 triệu USD), giảm 1,7% về lượng và giảm 9,7% về trị giá so với cùng kỳ năm [5]

Về giá nhập khẩu, 8 tháng đầu năm 2023, Tây Ban Nha nhập khẩu cà phê từ thế giới với mức giá bình quân 3.587 EUR/tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Tây Ban Nha tăng từ hầu hết các nguồn cung chủ lực, ngoại trừ Uganda, Colombia, Hà Lan. [5]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 59.353 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 58.720 VNĐ/kg.
- ❖ Niên vụ 2022-2023 (từ tháng 10-2022 đến tháng 9-2023), xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 4,5% so với niên vụ 2021-2022.
- ❖ 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Tây Ban Nha đạt 96,5 nghìn tấn, trị giá 230,1 triệu EUR (tương đương 246 triệu USD), tăng 29,7% về lượng và tăng 36% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.
- ❖ Niên vụ 2022-2023, tổng khối lượng nhập khẩu cà phê của Việt Nam đạt 102,1 nghìn tấn với giá trị gần 300 triệu USD tăng hơn 14% về khối lượng và tăng 9% về giá trị so với niên vụ 2021-2022.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 59.353 VNĐ/kg, tăng 2,20% so với tuần trước (tăng 1.280 VNĐ/kg), và tăng 48,95% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 58.720 VNĐ/kg, tăng 2,66% so với tuần trước (tăng 1.520 VNĐ/kg), và tăng 49,11% so với cùng kỳ năm trước. [6]

Nguyên nhân giá cà phê tăng trở lại do giá cà phê trên thị trường thế giới tăng. Nguồn cung trong nước hạn chế khi trữ lượng cà phê của các doanh nghiệp xuất khẩu không còn nhiều và Việt Nam chưa vào chính vụ thu hoạch cà phê trong niên vụ mới cũng là yếu tố tác động đến giá cà phê tăng trong tuần này.

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam niên vụ 2022-2023

Theo Hiệp hội cà phê - ca cao Việt Nam (VICOFCA), kết thúc niên vụ 2022-2023 (từ tháng 10-2022 đến tháng 9-2023), xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 4,5% so với niên vụ 2021-2022. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu vẫn tăng 3,4% lên mức 4,1 tỉ USD do giá cà phê xuất khẩu tăng cao. Giá xuất khẩu cà phê trung bình của Việt Nam đạt 2.451 USD/tấn, tăng 5,5% so với niên vụ trước.

Về chủng loại, cà phê Robusta chiếm tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất. Niên vụ 2022-2023, xuất khẩu cà phê Robusta đạt 1,49 triệu tấn, giá trị đạt trên 3,2 tỉ USD. Xuất khẩu cà phê nhân Arabica đạt 42,5 nghìn tấn, giá trị đạt 169 triệu USD, cà phê nhân đã khử cafein 36 nghìn tấn,

đạt 136 triệu USD. Cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu khoảng 90.000 tấn, giá trị xuất khẩu khoảng 510 triệu USD. [7]

Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân niên vụ 2022-2023

Theo VICOFA, 10 doanh nghiệp dẫn đầu về khối lượng xuất khẩu cà phê nhân sống trong niên vụ cà phê 2022-2023 là: Intimex HCM, Vĩnh Hiệp, Simexco Daklak, Intimex Mỹ Phước, Louis Dreyfus Việt Nam, NKG Việt Nam, Phúc Sinh, Tuấn Lộc Commodities, Giao dịch Hàng hóa Tây Nguyên và Olam Việt Nam.

Cụ thể, Công ty CP Tập đoàn Intimex là công ty đứng thứ nhất có sản lượng xuất khẩu cà phê nhân trong niên vụ này với sản xuất khẩu đạt 148,5 nghìn tấn, trị giá hơn 318 triệu USD. Đứng thứ hai là công ty TNHH Vĩnh Hiệp với lượng xuất khẩu đạt 120,6 nghìn tấn, trị giá 244,3 triệu USD. Thứ ba là Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk với 91,8 nghìn tấn cà phê nhân xuất khẩu, giá trị đạt gần 185 triệu USD. [7]

Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê rang xay và hòa tan niên vụ 2022-2023.

Theo VICOFA, 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê rang xay và cà phê hòa tan lớn nhất trong niên vụ 2022-2023 là: Outspan Việt Nam, Cà phê Ngon, Nestlé Việt Nam, Tập đoàn Trung Nguyên, Tata Coffee Việt Nam, URC Việt Nam, Lựa chọn đỉnh, Instanta Việt Nam, Iguacu Việt Nam và Sucafina Việt Nam.

Đứng đầu xuất khẩu cà phê rang xay hòa tan là Outspan Việt Nam, đây là công ty con của tập đoàn nông sản hàng đầu thế giới OLAM với lượng xuất khẩu đạt 17,6 nghìn tấn, trị giá 100,1 triệu USD. Công ty TNHH Cà phê Ngon (Ấn Độ) đứng thứ hai đạt gần 15 nghìn tấn, trị giá 79,3 triệu USD. Thứ ba là công ty TNHH Nestle Việt Nam (Mỹ) với 9,3 nghìn tấn cà phê rang xay hòa tan xuất khẩu, giá trị gần 75 triệu USD. [7]

Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Tây Ban Nha

8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê sang thị trường Tây Ban Nha đạt 96,5 nghìn tấn, trị giá 230,1 triệu EUR (tương đương 246 triệu USD), tăng 29,7% về lượng và tăng 36% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Tây Ban Nha từ thế giới tăng từ 29,7% trong 8 tháng đầu năm 2022 lên 40,2% trong 8 tháng đầu năm 2023.[8]

Tình hình nhập khẩu cà phê của Việt Nam

Theo VICOFA, niên vụ 2022-2023, tổng khối lượng nhập khẩu cà phê của Việt Nam đạt 102,1 nghìn tấn với giá trị gần 300 triệu USD tăng hơn 14% về khối lượng và tăng 9% về giá trị so với niên vụ 2021-2022. Trong đó, nhập khẩu cà phê nhân đạt 98.600 tấn, giá trị lên tới 246 triệu USD, tăng 19% về khối lượng và tăng 23% về kim ngạch so với niên vụ năm trước. Nhập khẩu cà phê chế biến đạt 3,5 nghìn tấn, giá trị hơn 53 triệu USD, tăng 46% về khối lượng nhưng giảm 29% về giá trị. Việt Nam nhập khẩu cà phê chủ yếu từ các nước: Lào, Indonesia, Brazil, Bỉ, Colombia, Đức, Papua New Guinea, Ấn Độ, Peru, Thái Lan, Honduras, Singapore,...[9]

Theo VICOFA, nguyên nhân nhập khẩu cà phê nhân của Việt Nam tăng mạnh trong niên vụ 2022-2023 do Việt Nam nhập khẩu về phục vụ chế biến xuất khẩu. Đối với cà phê chế biến, giá trị nhập khẩu tăng do sự phát triển của các chuỗi cà phê mang thương hiệu nước ngoài, các doanh nghiệp kinh doanh chuỗi cà phê này phần lớn nhập khẩu cà phê đã chế biến như cà phê rang xay, cà phê hòa tan. [9]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. [Vietnambiz](#)
3. [Y5cafe](#)
4. [Doanh nghiệp và kinh doanh](#)
5. [Cục Xuất nhập khẩu-Bộ Công thương](#)
6. [Công tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên](#)
7. [Pháp Luật thành phố Hồ Chí Minh](#)
8. [Cục Xuất nhập khẩu-Bộ Công thương](#)
9. [Báo Kinh tế Sài Gòn](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	57.600	58.700	58.500	59.300	59.500	58.720	1.520
Di Linh	57.600	58.700	58.500	59.300	59.500	58.720	1.520
Lâm Hà	57.600	58.700	58.500	59.300	59.500	58.720	1.520
Bảo Lộc	57.600	58.700	58.500	59.300	59.500	58.720	1.520
ĐẮK LẮK	58.233	59.333	59.133	59.933	60.133	59.353	1.280
Cư M'gar	58.300	59.400	59.200	60.000	60.200	59.420	1.280
Ea H'leo	58.200	59.300	59.100	59.900	60.100	59.320	1.280
Buôn Hồ	58.200	59.300	59.100	59.900	60.100	59.320	1.280
ĐẮK NÔNG	58.150	59.250	59.050	59.850	60.050	59.270	1.320
Gia Nghĩa	58.200	59.300	59.100	59.900	60.100	59.320	1.320
Đắk R'lấp	58.100	59.200	59.000	59.800	60.000	59.220	1.320
GIA LAI	58.133	59.133	58.933	59.733	59.933	59.173	1.240
Chư Prông	58.200	59.200	59.000	59.800	60.000	59.240	1.240
Pleiku	58.100	59.100	58.900	59.700	59.900	59.140	1.240
La Grai	58.100	59.100	58.900	59.700	59.900	59.140	1.240
KON TUM	58.100	59.100	59.000	59.800	60.000	59.200	1.280
Đắk Hà	57.600	58.700	58.500	59.300	59.500	58.720	1.520

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn